

CHỦ ĐỀ 7.2: MỘT SỐ BÀI TOÁN VỀ TỈ SỐ VÀ TỈ SỐ PHẦN TRĂM.

PHẦN I.TÓM TẮT LÝ THUYẾT.

1. Thương trong phép chia số a cho số $b(b \neq 0)$ gọi là *tỉ số* của a và b .

Tỉ số của a và b kí hiệu $a:b$ (cũng kí hiệu $\frac{a}{b}$)

*** Chú ý:**

Phân số $\frac{a}{b}$ thì a và b phải là các số nguyên

Tỉ số $\frac{a}{b}$ thì a và b là các số nguyên, phân số, hỗn số, số thập phân, ...

Ta thường dùng khái niệm tỉ số khi nói về thương của hai đại lượng cùng loại và cùng đơn vị.

2. Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b , ta nhân a với 100 rồi chia cho b và viết kí hiệu % vào kết quả: $\frac{a.100}{b}\%$.

3. Tỉ lệ xích T của một bản vẽ (hoặc một bản đồ)) là tỉ số khoảng cách giữa hai điểm trên bản vẽ (hoặc bản đồ) và khoảng cách b giữa điểm tương ứng trên thực tế.

$$T = \frac{a}{b} \text{ (} a, b \text{ có cùng đơn vị đo)}$$

4. Để nêu bật và so sánh một cách trực quan các giá trị phần trăm của cùng một đại lượng, ta dùng biểu đồ phần trăm. Biểu đồ phần trăm thường được dựng dưới dạng cột, ô vuông và hình quạt.

PHẦN II.CÁC DẠNG BÀI.

Dạng 1. Tỉ số của hai đại lượng

I.Phương pháp giải.

Tìm tỉ số của a và b là $\frac{a}{b}$

II.Bài toán.

Bài 1.Tìm tỉ số của hai đại lượng trong các trường hợp sau:

a) $\frac{4}{5}$ m và 72 cm;

b) $\frac{3}{10}$ giờ và 15 phút.

c) 0,2 tạ và 40 kg.

d) 30 cm và 7,5 dm

Lời giải

a) $72\text{cm} = \frac{72}{100}\text{m} = \frac{18}{25}\text{m}$, do đó tỉ số của $\frac{4}{5}$ m và 72 cm là: $\frac{4}{5} : \frac{18}{25} = \frac{4}{5} \cdot \frac{25}{18} = \frac{10}{9}$.

b) Ta có: $\frac{3}{10}\text{h} = \frac{3}{10} \cdot 60\text{ph} = 18\text{ph}$. Tỉ số của $\frac{3}{10}$ giờ và 15 phút là: $18:15 = \frac{6}{5}$.

c) $0,2 \text{ tạ} = 0,2 \cdot 100 \text{ kg} = 20 \text{ kg}$. Tỉ số của $0,2 \text{ tạ}$ và 40 kg là $\frac{20}{40} = \frac{1}{2}$

d) $7,5 \text{ dm} = 7,5 \cdot 10 \text{ cm} = 75 \text{ cm}$. Tỉ số 30 cm và $7,5 \text{ dm}$ là: $30 : 75 = \frac{30}{75} = \frac{2}{5}$

Bài 2. Tìm tỉ số của:

a) 16 dm và $0,4 \text{ m}$

b) $\frac{3}{5} \text{ m}$ và 480 cm

c) 100 g và $\frac{4}{5} \text{ kg}$

d) 60 m và $7,5 \text{ hm}$.

e) $\frac{4}{3} \text{ m}$ và 60 cm

f) 10 kg và $0,3 \text{ tạ}$.

Lời giải:

a) Ta có: $0,4 \text{ m} = 0,4 \cdot 10 \text{ dm} = 4 \text{ dm}$. Tỉ số 16 dm và $0,4 \text{ m}$ là: $\frac{16}{4} = 4$.

b) Ta có: $\frac{3}{5} \text{ m} = \frac{3}{5} \cdot 100 \text{ cm} = 60 \text{ cm}$. Tỉ số $\frac{3}{5} \text{ m}$ và 480 cm là: $\frac{60}{480} = \frac{1}{8}$.

c) Ta có: $\frac{4}{5} \text{ kg} = \frac{4}{5} \cdot 1000 \text{ g} = 800 \text{ g}$. Tỉ số 100 g và $\frac{4}{5} \text{ kg}$ là: $\frac{100}{800} = \frac{1}{8}$

d) Ta có: $7,5 \text{ hm} = 7,5 \cdot 100 \text{ m} = 750 \text{ m}$. Tỉ số 60 m và $7,5 \text{ hm}$ là: $\frac{60}{750} = \frac{2}{25}$

e) Ta có: $\frac{4}{3} \text{ m} = \frac{4}{3} \cdot 100 \text{ cm} = \frac{400}{3} \text{ cm}$. Tỉ số $\frac{4}{3} \text{ m}$ và 60 cm là: $\frac{400}{3} : 60 = \frac{20}{9}$

f) Ta có: $0,3 \text{ tạ} = 0,3 \cdot 100 \text{ kg} = 30 \text{ kg}$. Tỉ số 10 kg và $0,3 \text{ tạ}$ là: $\frac{10}{30} = \frac{1}{3}$

Bài 3. Tìm tỉ số của hai đại lượng:

a) $0,12 \text{ cm}^2$ và 420 m^2 ;

b) $0,5 \text{ lít}$ và 250 cm^3

c) 500 mm^3 và $0,015 \text{ dm}^3$

d) $0,3 \text{ dm}^3$ và 15 lít

Lời giải:

a) $0,12 \text{ cm}^2 = 12 \text{ m}^2$. Tỉ số của $0,12 \text{ cm}^2$ và 420 m^2 là: $12 : 420 = \frac{1}{35}$

b) $0,5 \text{ l} = 0,5 \text{ dm}^3 = 500 \text{ cm}^3$ và 250 cm^3 . Tỉ số của $0,5 \text{ lít}$ và 250 cm^3 là $500 : 250 = 2$

c) 500 mm^3 và $0,015 \text{ dm}^3 = 15000 \text{ mm}^3$ Tỉ số của 500 mm^3 và $0,015 \text{ dm}^3$ là $500 : 15000 = \frac{1}{30}$

d) $0,3 \text{ dm}^3$ và $15 \text{ l} = 15 \text{ dm}^3$. Tỉ số của $0,3 \text{ dm}^3$ và 15 lít là $0,3 : 15 = \frac{1}{50}$

Bài 4. Viết các tỉ số sau thành tỉ số tỉ số hai số nguyên.

a) $-0,75 : 1,25$

b) $\frac{-2}{13} : -3,15$

c) $1\frac{2}{3} : \frac{10}{81}$

d) $1\frac{3}{5} : -4,5$

e) $75\% : 1\frac{2}{5}$

f) $1\frac{3}{8} : 2\frac{1}{11}$

g) $1\frac{2}{13} : 1\frac{1}{26}$ h) $\frac{1}{6} : 2\frac{1}{3}$

k) $\frac{1\frac{1}{3}}{2\frac{1}{5}}$

Lời giải:

a) $-0,75 : 1,25 = \frac{-75}{100} : \frac{125}{100} = \frac{3}{5}$

b) $\frac{-2}{13} : (-3,15) = \frac{-2}{13} : \frac{-315}{100} = \frac{40}{819}$

c) $1\frac{2}{3} : \frac{10}{81} = \frac{5}{3} : \frac{10}{81} = \frac{27}{2}$

d) $1\frac{3}{5} : (-4,5) = \frac{8}{5} : \frac{-45}{10} = \frac{-16}{45}$

e) $75\% : 1\frac{2}{5} = \frac{75}{100} : \frac{7}{5} = \frac{15}{28}$

f) $1\frac{3}{8} : 2\frac{1}{11} = \frac{11}{8} : \frac{23}{11} = \frac{121}{184} : 2\frac{1}{11}$

g) $1\frac{2}{13} : 1\frac{1}{26} = \frac{15}{13} : \frac{27}{26} = \frac{10}{9}$

h) $\frac{1}{6} : 2\frac{1}{3} = \frac{1}{6} : \frac{7}{3} = \frac{1}{14}$

k) $\frac{1\frac{1}{3}}{2\frac{1}{5}} = 1\frac{1}{3} : 2\frac{1}{5} = \frac{4}{3} : \frac{11}{5} = \frac{20}{33}$

Bài 5.

a) Tỉ số của hai số a và b là $\frac{5}{7}$, tỉ số của hai số b và c là $\frac{2}{3}$. Tìm tỉ số của hai số a và c .

b) Tỉ số của hai số a và c là $\frac{3}{7}$, tỉ số của hai số c và b là $\frac{35}{36}$. Tính tỉ số của hai số a và b .

c) Tỉ số của hai số a và b là $\frac{5}{4}$, tỉ số của hai số a và c là $\frac{65}{52}$. Tính tỉ số của hai số b và c .

Lời giải:

a) $\frac{a}{c} = \frac{a}{b} \cdot \frac{b}{c} = \frac{5}{7} \cdot \frac{2}{3} = \frac{10}{21}$

b) $\frac{a}{b} = \frac{a}{c} \cdot \frac{c}{b} = \frac{3}{7} \cdot \frac{35}{36} = \frac{5}{12}$

c) $\frac{b}{c} = \frac{b}{a} \cdot \frac{a}{c} = \frac{4}{5} \cdot \frac{65}{52} = 1$

Bài 6. Tỉ số của hai số là $\frac{4}{9}$. Tổng của hai số đó là 65. Tìm hai số đó.

Lời giải:

Phần số chỉ 65 đơn vị bằng: $1 + \frac{4}{9} = \frac{13}{9}$ (số lớn).

Số lớn bằng: $65 : \frac{13}{9} = 45$.

Số nhỏ bằng: $65 - 45 = 20$.

Bài 7. Tỉ số của hai số bằng 4:9. Nếu thêm 20 vào số thứ nhất thì tỉ số của chúng sẽ bằng 2:3. Tìm hai số đó.

Lời giải:

Cách 1: Gọi hai số đó là a và b . Theo đề bài ta có: $\frac{a}{b} = \frac{4}{9}, \frac{a+20}{b} = \frac{2}{3}$.

$$\text{Ta có: } \frac{a}{b} + \frac{20}{b} = \frac{2}{3} \Leftrightarrow \frac{4}{9} + \frac{20}{b} = \frac{2}{3} \Leftrightarrow \frac{20}{b} = \frac{2}{3} - \frac{4}{9} \Leftrightarrow \frac{20}{b} = \frac{2}{9} \Leftrightarrow b = \frac{20 \cdot 9}{2} \Leftrightarrow b = 90.$$

$$\text{Suy ra: } a = \frac{4}{9} \cdot 90 = 40.$$

Cách 2: Phân số chỉ 20 đơn vị bằng: $\frac{2}{3} - \frac{4}{9} = \frac{2}{9}$ (số lớn).

$$\text{Số lớn bằng } 20 : \frac{2}{9} = 90. \text{ Số bé bằng: } 90 \cdot \frac{4}{9} = 40.$$

Bài 8.

a) Tìm hai số, biết tỉ số của chúng bằng 1:5 và tích của chúng bằng 720.

b) Tìm hai số, biết tỉ số của chúng bằng 3:7 và tích của chúng bằng 189.

Lời giải:

a) Gọi hai số cần tìm là a và b .

$$\text{Theo đề bài ta có: } \frac{a}{b} = \frac{1}{5}, ab = 720.$$

$$\text{Suy ra } b = 5a.$$

$$\text{Do đó } a \cdot 5a = 720$$

$$\Leftrightarrow a^2 = 720 : 5 \Leftrightarrow a^2 = 144 \Leftrightarrow a = 12 \text{ hoặc } a = -12.$$

$$\bullet a = 12 \text{ thì } b = 5a = 60.$$

$$\bullet a = -12 \text{ thì } b = 5a = -60.$$

$$\text{b) } \frac{a}{b} = \frac{3}{7}; ab = 189 \Leftrightarrow a = \frac{3}{7}b$$

$$ab = 189 \Leftrightarrow \frac{3}{7}b \cdot b = 189 \Leftrightarrow \frac{3}{7}b^2 = 189$$

$$\Leftrightarrow b^2 = 189 : \frac{3}{7} = 441 \Leftrightarrow b = 21 \text{ hoặc } b = -21$$

$$\bullet b = 21 \text{ thì } a = \frac{3}{7} \cdot b = 9.$$

$$\bullet b = -21 \text{ thì } a = \frac{3}{7} \cdot b = -9.$$

Dạng 2. Tỉ số phần trăm của hai đại lượng.

I. Phương pháp giải.

Tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b :

Bước 1: Viết tỉ số $\frac{a}{b}$

Bước 2: Tính số $\frac{a.100}{b}$ và viết thêm % vào bên phải số vừa tìm được

Cách tính $\frac{a.100}{b}$:

Cách 1: Lấy a chia b rồi nhân với 100.

Cách 2: Lấy a nhân 100 rồi chia b .

Vậy tỉ số phần trăm của hai số a và b là: $\frac{a.100}{b}\%$

II. Bài toán.

Bài 1. Tìm tỉ số phần trăm của hai số:

a) 12 và 48 b) 1,5 và 300 c) 210 và 70

d) $\frac{2}{5}$ và $\frac{5}{6}$ e) -250 và 800

Lời giải:

a) Tỉ số phần trăm 12 và 48 là: $\frac{12}{48}.100\% = 25\%$

b) Tỉ số phần trăm 1,5 và 300 là $\frac{1,5}{300}.100\% = \frac{15}{100.300}100\% = 0,05\%$

c) Tỉ số phần trăm 210 và 70 là: $\frac{210}{70}.100\% = 300\%$

d) Tỉ số phần trăm $\frac{2}{5}$ và $\frac{5}{6}$ là: $\frac{\frac{2}{5}.100\%}{\frac{5}{6}} = \frac{2}{5} \cdot \frac{6}{5}.100\% = 48\%$

e) Tỉ số phần trăm -250 và 800 là: $\frac{-250.100\%}{800} = -31,25\%$

Bài 2. Tìm tỉ số phần trăm của hai số làm tròn đến hàng phần trăm:

a) 34 và 78 b) $\frac{4}{5}$ và $\frac{3}{7}$ c) 6,5 và 2,25

d) 7,5 và $\frac{25}{3}$ e) -320 và -48

Lời giải:

a) Tỉ số phần trăm 34 và 78 là: $\frac{34}{78} \cdot 100\% = 43,59\%$

b) Tỉ số phần trăm $\frac{4}{5}$ và $\frac{3}{7}$ là: $\frac{\frac{4}{5} \cdot 100\%}{\frac{3}{7}} = \frac{4}{5} \cdot \frac{7}{3} \cdot 100\% = 186,67\%$

c) Tỉ số phần trăm 6,5 và 2,25 là: $\frac{6,5 \cdot 100\%}{2,25} = 288,89\%$

d) Tỉ số phần trăm 7,5 và $\frac{25}{3}$ là: $\frac{7,5 \cdot 100\%}{\frac{25}{3}} = \frac{75}{10} \cdot \frac{3}{25} \cdot 100\% = 90\%$

e) Tỉ số phần trăm -320 và -48 là: $\frac{-320 \cdot 100\%}{-48} = 666,67\%$

Bài 3. Tìm tỉ số % của hai đại lượng trong các trường hợp sau:

a) $2\frac{3}{4}$ và 5;

b) $\frac{3}{10}$ giờ và 15 phút.

c) 0,2 tạ và 24 kg.

d) 30 cm và 7,5 dm

Lời giải:

a) Tỉ số % của $2\frac{3}{4}$ và 5 là: $\frac{2\frac{3}{4} \cdot 100}{5} \% = 55\%$.

b) Ta có: $\frac{3}{10}h = \frac{3}{10} \cdot 60 \text{ ph} = 18 \text{ ph}$. Tỉ số % của $\frac{3}{10}$ giờ và 15 phút là: $\frac{18 \cdot 100}{15} \% = 120\%$.

c) 0,2 tạ = 0,2 . 100 kg = 20 kg. Tỉ số % của 0,2 tạ và 24 kg là $\frac{20 \cdot 100}{24} \% \approx 83\%$

d) $7,5dm = 7,5 \cdot 10cm = 75cm$. Tỉ số % của 30 cm và 7,5 dm là: $\frac{30 \cdot 100}{75} \% = 40\%$

Bài 4. Tìm tỉ số % của:

a) 16dm và 0,4 m

b) $\frac{3}{5}$ m và 480 cm

c) 100 g và $\frac{4}{5}$ kg

d) 60 m và 7,5 hm.

e) $\frac{4}{3}$ m và 60 cm

f) 10 kg và 0,3 tạ.

Lời giải:

a) Ta có: $0,4m = 0,4 \cdot 10dm = 4dm$. Tỉ số % của 16dm và 0,4m là: $\frac{16 \cdot 100}{4} \% = 400\%$.

b)Ta có: $\frac{3}{5}m = \frac{3}{5}.100cm = 60cm$. Tỉ số % của $\frac{3}{5}$ m và 480 cm là: $\frac{60.100}{480}\% = 12,5\%$.

c)Ta có: $\frac{4}{5}kg = \frac{4}{5}.1000g = 800g$. Tỉ số % của 100 g và $\frac{4}{5}$ kg là: $\frac{100.100}{800}\% = 12,5\%$

d)Ta có: $7,5hm = 7,5.100m = 750m$. Tỉ số % của 60 m và 7,5hm là: $\frac{60.100}{750}\% = 8\%$

e)Ta có: $\frac{4}{3}m = \frac{4}{3}.100cm = \frac{400}{3}cm$. Tỉ số % của $\frac{4}{3}$ m và 60 cm là: $\frac{\frac{400}{3}.100}{60}\% = 222\%$

f)Ta có: 0,3 tạ $0,3.100kg = 30kg$. Tỉ số % của 10kg và 0,3 tạ là: $\frac{10.100}{30}\% = 33\%$

Bài 5. Viết các số sau dưới dạng phân số:

a) 12%

b) 20%

c) 25%

d) 30%

e) 50%

f) 75%

Lời giải:

$$a) 12\% = \frac{12}{100} = \frac{3}{25}$$

$$d) 30\% = \frac{30}{100} = \frac{3}{10}$$

$$b) 20\% = \frac{20}{100} = \frac{1}{5}$$

$$e) 50\% = \frac{50}{100} = \frac{1}{2}$$

$$c) 25\% = \frac{25}{100} = \frac{1}{4}$$

$$f) 75\% = \frac{75}{100} = \frac{3}{4}$$

Bài 6. Viết các số sau dưới dạng phân số:

a) 10%

b) 15%

c) 40%

d) 60%

e) 80%

f) 100%

Lời giải:

$$a) 10\% = \frac{10}{100} = \frac{1}{10}$$

$$d) 60\% = \frac{60}{100} = \frac{3}{5}$$

$$b) 15\% = \frac{15}{100} = \frac{3}{20}$$

$$e) 80\% = \frac{80}{100} = \frac{4}{5}$$

$$c) 40\% = \frac{40}{100} = \frac{2}{5}$$

$$f) 100\% = \frac{100}{100} = 1$$

Bài 7.

a)Tìm $12\frac{1}{2}\%$ của 480kg.

b)Tìm 20% của 20 lít.

c) Tìm 50% của 120quả cam

Lời giải:

a) $12\frac{1}{2}\%$ của 480kg là: $12\frac{1}{2}\%.480 = 60\text{kg}$

b) 20% của 20 lít là: $20\%.20 = 4$ lít

c) 50% của 120 quả cam là $50\%.120 = 60$ quả cam

Bài 8: Giá hàng lúc đầu tăng 20% và sau đó lại giảm 20%. Hỏi giá ban đầu và giá cuối cùng giá nào rẻ hơn và rẻ hơn mấy phần trăm?

Lời giải:

Nếu lấy giá ban đầu là 100 thì sau khi tăng 20% giá sẽ là $100.120\% = 120$. Sau đó giảm 20% thì giá chỉ còn là $120.80\% = 96$. So với giá ban đầu chỉ bằng 96% tức là rẻ hơn 4%.

Dạng 3. Bài toán thực tế.**I. Phương pháp giải:**

Tỉ số phần trăm của 2 đại lượng a và b (cùng loại và cùng đơn vị đo) là tỉ số phần trăm của 2 đại lượng đó ($C\%$).

$$C\% = \frac{a.100\%}{b}$$

Tìm giá trị phần trăm của một số cho trước: tìm $m\%$ của số a là: $a.\frac{m}{100}$

Tìm một số khi biết giá trị phần trăm của số đó: tìm một số khi biết $m\%$ của số đó là b như sau:

$$b : \frac{m}{100}$$

Trong thực tế: tính phần trăm học sinh khá, giỏi,... Tính lãi suất tín dụng, thành phần các chất trong dược phẩm, hóa học.... Tính giảm giá, lợi nhuận, thua lỗ...

Từ tỉ lệ bản đồ, bản vẽ tính được thực tế: Muốn tìm tỉ lệ xích của một bản vẽ hoặc một bản đồ ta tìm tỉ số khoảng cách giữa hai điểm tương ứng trên bản vẽ hoặc bản đồ và khoảng cách giữa hai điểm trên thực tế.

II. Bài toán.

Bài 1. Trong 40kg nước biển có 2 kg muối. Tính tỉ số % muối trong nước biển?

Lời giải

Tỉ số % muối trong nước biển là: $\frac{2.100}{40}\% = 5\%$

Bài 2. Biết tỉ số phần trăm nước trong dưa chuột là 97,2%. Tính lượng nước trong 4 kg dưa chuột?

Lời giải

Lượng nước trong 4 kg dưa chuột là $\frac{97,2.4}{100} \approx 3,9(\text{kg})$

Bài 3: Một mảnh vườn có diện tích 374 m² được chia làm hai khoảnh; Tỉ số diện tích giữa khoảnh I và khoảnh II là 37,5%. Tính diện tích của mỗi khoảnh?

Lời giải

Tỉ số diện tích giữa khoảnh I và khoảnh II là: $37,5\% = \frac{37,5}{100} = \frac{3}{8}$

Tổng tỉ số diện tích khoảnh I và khoảnh II là: $3 + 8 = 11$

Diện tích mảnh I là: $374 \cdot \frac{3}{11} = 102(m^2)$

Diện tích mảnh II là: $374 \cdot \frac{8}{11} = 272(m^2)$

Bài 4. 75% quả dưa nặng $3\frac{1}{2}$ kg. Hỏi quả dưa nặng bao nhiêu kilôgam?

Lời giải

Đổi $75\% = \frac{3}{4}$

Gọi quả dưa nặng x (kg) $\frac{3}{4} \cdot x = 3\frac{1}{2} \Rightarrow \frac{3}{4} \cdot x = \frac{7}{2} \Rightarrow x = \frac{7}{2} : \frac{3}{4} \Rightarrow x = \frac{7}{2} \cdot \frac{4}{3} \Rightarrow x = 4\frac{2}{3}(kg)$

Bài 6. Một vòi nước chảy 5 giờ thì đầy bể. Hỏi vòi nước chảy trong 3 giờ chiếm bao nhiêu phần trăm của bể?

Lời giải

Trong 1 giờ vòi chảy được $\frac{1}{5}$ bể.

Vậy sau 3 giờ vòi đó chảy được: $3 \cdot \frac{1}{5} \cdot 100\% = \frac{3}{5} \cdot 100\% = 60\%$ bể.

Bài 7. Một khối có 50 học sinh đi thi học sinh giỏi và đều đạt giải. Trong đó số học sinh đạt giải nhất chiếm $\frac{1}{2}$ tổng số học sinh; số học sinh đạt giải nhì bằng 80% số học sinh đạt giải nhất; còn lại là học sinh đạt giải ba. Tính số học sinh đạt giải ba của khối.

Lời giải

Số học sinh đạt giải nhất là: $50 \cdot \frac{1}{2} = 25$ (học sinh)

Số học sinh đạt giải nhì là: $80\% \cdot 25 = 20$ (học sinh)

Số học sinh đạt giải ba là: $50 - (25 + 20) = 5$ (học sinh)

Đáp số: 5 học sinh

Bài 8. Bố Lan gửi 100 000 000 VNĐ ở ngân hàng BIDV, sau 1 năm bố Lan lấy về được 107 000 000 VNĐ. Như vậy bố Lan gửi ngân hàng BIDV với lãi suất bao nhiêu phần trăm 1 tháng?

Lời giải

Số tiền lãi của bố Lan gửi ngân hàng 1 năm là: $107\,000\,000 - 100\,000\,000 = 7\,000\,000$ VNĐ.

Lãi suất 1 năm là: $\frac{7\,000\,000}{100\,000\,000} \cdot 100\% = 7\%$

Lãi suất 1 tháng là: $\frac{7\%}{12} = 0,58\%$

Bài 9. Trong điều kiện thường, khí ôxi chiếm 21% thể tích không khí. Hỏi căn phòng $40m^3$ có bao nhiêu mét khối khí ôxi?

Lời giải

Thể tích khí ôxi trong căn phòng $40m^3$ là: $\frac{40 \cdot 21}{100} = 8,4m^3$

Bài 10. Một cửa hàng xe đạp điện, bán 1 xe đạp điện thu được lợi nhuận 2,8 triệu đồng. Biết số tiền lợi nhuận bằng 20% giá vốn. Hỏi số vốn ban đầu của chiếc xe đạp điện là bao nhiêu?

Lời giải

Ta có 20% giá vốn là 2,8 triệu đồng.

Giá vốn của chiếc xe đạp điện là: $2,8 : \frac{20}{100} = 14$ (triệu đồng)

Bài 11. Một doanh nghiệp sản xuất doanh thu quý I là 205 tỷ VNĐ, kế hoạch doanh thu quý II sẽ tăng thêm 10% so với quý I. Như vậy quý II doanh thu là bao nhiêu?

Lời giải

10% doanh thu quý I là: $\frac{205 \cdot 10\%}{100} = 20,5$ tỷ VNĐ

Doanh thu quý II là: $205 + 20,5 = 225,5$ tỷ VNĐ.

Bài 12. Biết 1 chỉ vàng nặng 3,75g. Vàng 18K chứa 75% vàng nguyên chất. Tính khối lượng vàng nguyên chất trong chiếc nhẫn 2 chỉ làm bằng vàng 18K.

Lời giải

Khối lượng vàng nguyên chất trong chiếc nhẫn 2 chỉ làm bằng vàng 18K là $\frac{3,75 \cdot 2 \cdot 75}{100} = 5,625$ g vàng nguyên chất.

∞HẾT∞